

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 29/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Địa chỉ

Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: rút hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ ngày 17/05/2022, Hội đồng quản trị đã quyết định thông qua việc rút hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ để mua sản thương mại Chợ Mơ của Công ty CP đầu tư trung tâm thương mại Vina.

Công ty đã gửi văn bản số 2205/2023/CV-DST ngày 22/05/2023 kèm theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HĐQT ngày 24/4/2023 về việc dừng triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 số 0509/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/9/2022 và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước gửi công văn số 3350/UBCK-QLCB ngày 06/06/2023 thông báo đã nhận được hồ sơ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 12/01/2023
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2023
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các

quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch

Nguyễn Đức Hiếu



Số : 485 /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của đơn vị tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0726 -2023 -133 -1

PH
TTP
HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.400.393.505	18.686.808.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	145.913.541	367.586.056
1. Tiền	111		145.913.541	367.586.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2.362.044.600	1.759.954.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.011.980.754	5.011.980.754
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.649.936.154)	(3.252.025.954)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.775.382.496	16.499.086.835
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	33.000.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.300.000	75.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	18.704.000.000	16.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.035.082.496	424.086.835
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.052.868	60.180.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	26.127.000	700.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.925.868	59.480.862
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		370.291.864.519	390.349.805.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	370.172.964.754	390.210.567.651
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.328.498.833	8.328.498.833
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		306.127.500.000	301.962.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.000.000.000	80.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(283.034.079)	(80.431.182)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		118.899.765	139.237.433
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	33.063.373	53.401.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		85.836.392	85.836.392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		392.692.258.024	409.036.613.640

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.322.205.382	13.416.112.536
I. Nợ ngắn hạn	310		11.322.205.382	13.416.112.536
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	21.834.240	15.834.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	10.710.002.150	12.188.353.464
4. Phải trả người lao động	314		299.144.742	227.999.832
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		291.224.250	983.925.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381.370.052.642	395.620.501.104
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	381.370.052.642	395.620.501.104
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.603.333	113.603.333
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.401.927.105	72.652.375.567
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		72.652.375.567	40.741.525.144
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.250.448.462)	31.910.850.423
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		392.692.258.024	409.036.613.640

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	30.000.000	94.818.184
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		30.000.000	94.818.184
4. Giá vốn hàng bán	11	14	5.454.546	94.818.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.545.454	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	3.450.962.210	42.068.679.950
7. Chi phí tài chính	22	16	15.500.513.097	12.341.829.049
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	14.786.301
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	2.224.340.610	576.995.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(14.249.346.043)	29.149.855.152
11. Thu nhập khác	31		-	4
12. Chi phí khác	32	17	1.102.419	116.717.398
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.102.419)	(116.717.394)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(14.250.448.462)	29.033.137.758
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	3.993.896.904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	1.836.074.128
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(14.250.448.462)	23.203.166.726

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Phương pháp gián tiếp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(14.250.448.462)	29.033.137.758
2. Điều chỉnh cho các khoản		(3.850.449.113)	(29.725.710.901)
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	
- Các khoản dự phòng	03	(399.486.903)	12.328.182.748
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.450.962.210)	(42.068.679.950)
- Chi phí lãi vay	06	-	14.786.301
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(18.100.897.575)	(692.573.143)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(603.740.667)	(36.275.963.613)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(593.907.154)	60.227.269
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.089.329)	(19.285.207)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(656.583.400)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.500.000.000)	(6.075.557.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.803.634.725)	(43.659.736.044)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.198.651.300)	(19.816.527.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	126.694.651.300	39.816.527.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(160.377.600.000)	(21.012.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	121.012.600.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.450.962.210	42.120.493.649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.581.962.210	41.107.893.649
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	4.100.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(221.672.515)	(2.551.842.395)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	367.586.056	2.820.342.797
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	145.913.541	268.500.402

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 29/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 30/06/2023 là: 16 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Địa chỉ

Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, P.
Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà
Nội

Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,88%	99,88%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49,00%	49,00%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex (VCTD) gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long (DST) về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần.

Nhiệm vụ chuyển nhượng này làm cho kết quả kinh doanh trong kỳ bị lỗ.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm

nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Y
TU H
TTI
PH
C
O
A
T
A

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	92.222.836	86.997.585
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.690.705	280.588.471
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VNĐ)	53.690.705	280.588.471
Cộng	145.913.541	367.586.056

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(2.649.936.154)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Dài hạn				
Cộng	5.011.980.754	(2.649.936.154)	5.011.980.754	(3.252.025.954)

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối kỳ

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2023. Cụ thể như sau:

	SL CP	Giá gốc	Giá tại ngày 30/06/2023	Dự phòng
CP Công ty CP xăng dầu dầu khí Nam Định	231.573	21.643	10.200	2.649.936.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư góp vốn vào công ty con	8.328.498.833	-	(283.034.079)	8.328.498.833	(80.431.182)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	8.328.498.833	(*)	(283.034.079)	8.328.498.833	(80.431.182)
Cộng	8.328.498.833		(283.034.079)	8.328.498.833	(80.431.182)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	306.127.500.000	-	-	301.962.500.000	-
Công ty CP Chợ Mơ (1)	306.127.500.000	(*)	-	301.962.500.000	-
Cộng	306.127.500.000			301.962.500.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.000.000.000	-	-	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)	56.000.000.000	(*)	-	80.000.000.000	(*)
Cộng	56.000.000.000			80.000.000.000	

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

	Số CP	Mệnh giá/CP	Giá ghi số	Số CP	Mệnh giá/CP	Giá ghi số
Công ty CP Chợ Mơ (1)	4.581.500	10.000	306.127.500.000	4.165.000	10.000	301.962.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.400.000	10.000	56.000.000.000	2.000.000	10.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)						

(1) Trong năm 2022 đơn vị thực hiện việc đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/08/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Đến thời điểm 30/06/2023, giá trị đầu tư vào công ty CP Chợ Mơ cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Số lượng CP	Mệnh giá CP (VND)	Giá mua/CP (VND)	Tổng giá trị mua (VND)
Công ty CP Chợ Mơ	4.165.000	10.000	72.500	301.962.500.000
Ngày 11/1/2023, DST chuyển tiền mua cổ phiếu do Công ty CP Chợ Mơ tăng vốn điều lệ. Cụ thể:				
Công ty CP Chợ Mơ	416.500	10.000	10.000	4.165.000.000
Tổng cộng	4.581.500			306.127.500.000

(2) Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con của công ty tại ngày 30/06/2023 như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam Định	99,88%	Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa

Thông tin chi tiết về đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty khác của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	49,00%	Số 12 ngõ 69 phố Ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	10,00%	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

5. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	33.000.000	-
Công ty CP chứng khoán Smart invest	33.000.000	
Cộng	33.000.000	-

6. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	3.300.000	75.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán TTP		75.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại công nghệ Nam Khánh	3.300.000	
Cộng	3.300.000	75.000.000

7. Phải thu về cho vay	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	18.704.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH (i)	10.785.000.000	-	16.000.000.000	-
Đinh Thị Thu Trang (ii)	7.919.000.000			
b. Dài hạn				
Cộng	18.704.000.000	-	16.000.000.000	-
Các bên liên quan		-		-

(i): - Hợp đồng cho vay số 01/2022/HDCV-DST-SMARTTECH ngày 20/12/2022 giữa DST và Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH

- + Số tiền cho vay: 16 tỷ đồng
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng
- + Lãi suất vay: 8%/năm
- Số dư còn cho vay tại 30/6/2023 là: 10.785.000.000 đồng

(ii) Hợp đồng cho vay số 28062023/HĐ-DST-DTTT ngày 28/06/2023 giữa DST và Bà Đinh Thị Thu Trang

- + Số tiền cho vay: 8.919.000.000 đồng
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/6/2024)
- + Lãi suất vay: 8%/năm
- Số dư còn cho vay tại 30/6/2023 là: 7.919.000.000 đồng

8. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.035.082.496	-	424.086.835	-
Bảo hiểm y tế	64.500		-	
Tạm ứng	-	-	50.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký	5.000.000		-	
Phải thu khác (*)	1.030.017.996		424.036.835	
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.035.082.496	-	424.086.835	-
Số dư các bên liên quan	381.136.461		381.136.461	

(Chi tiết các bên liên quan tại thuyết minh số 25)

(*) Chi tiết phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Smarttech	643.455.343	42.082.192
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	381.136.461	381.136.461
Các khoản khác	5.426.192	818.182
Cộng	1.030.017.996	424.036.835

9. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	26.127.000	700.003
Chi phí trả trước khác	26.127.000	700.003
Dài hạn	33.063.373	53.401.041
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	33.063.373	53.401.041
Cộng	59.190.373	54.101.044

10. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	21.834.240	21.834.240	15.834.240	15.834.240
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam Định	15.000.000	15.000.000	9.000.000	9.000.000
Khác	6.834.240	6.834.240	6.834.240	6.834.240
Cộng	21.834.240	21.834.240	15.834.240	15.834.240
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.834.240	21.834.240	15.834.240	15.834.240

c. Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam Định	Công ty con	15.000.000	9.000.000
Cộng		15.000.000	9.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối kỳ
Phải nộp				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.165.808.325	-	1.500.000.000	10.665.808.325
Thuế Thu nhập cá nhân	22.545.139	79.380.373	83.858.687	18.066.825
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	52.254.000	26.127.000	26.127.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.091.021	5.091.021	-
Cộng	12.188.353.464	136.725.394	1.615.076.708	10.710.002.150

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

12. Vốn chủ sở hữu	a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				Đơn vị tính: VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	37.469.119.272	360.437.244.809
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					31.910.850.423	31.910.850.423
- Tăng khác					3.272.405.872	3.272.405.872
- Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	72.652.375.567	395.620.501.104
- Lỗ trong kỳ					(14.250.448.462)	(14.250.448.462)
- Chuyển lợi nhuận thành vốn góp						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	58.401.927.105	381.370.052.642

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Các cổ đông khác	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%
Cộng	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	323.000.000.000	323.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.300.000</i>	<i>32.300.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.000</i>	<i>81.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.219.000</i>	<i>32.219.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa		94.818.184
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	
Cộng	30.000.000	94.818.184

14. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa		94.818.184
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.454.546	
Cộng	5.454.546	94.818.184

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	606.962.210	158.102
- Lãi mua bán cổ phần	2.844.000.000	38.736.401.300
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Lãi trái phiếu	-	3.332.120.548
- Nhận cổ tức cổ phiếu kinh doanh	-	-
Cộng	3.450.962.210	42.068.679.950

16. Chi phí tài chính	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền vay		14.786.301
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(399.486.903)	12.327.042.748
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	15.900.000.000	
Cộng	15.500.513.097	12.341.829.049
17. Chi phí khác	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.102.419	116.717.398
Cộng	1.102.419	116.717.398
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	47.164.671	23.070.349
- Chi phí nhân công	1.757.214.812	335.795.680
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.306.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.276.999	175.776.155
- Chi phí khác bằng tiền	27.684.128	36.907.210
- Chi phí dự phòng		1.140.000
Cộng	2.224.340.610	576.995.749
19. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	47.164.671	23.070.349
- Chi phí nhân công	1.757.214.812	335.795.680
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.306.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.276.999	175.776.155
- Chi phí khác bằng tiền	27.684.128	36.907.210
- Chi phí dự phòng	-	1.140.000
Cộng	2.224.340.610	576.995.749
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(14.250.448.462)	29.033.137.758
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	(9.063.653.242)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	116.717.398
- Chi phí không hợp lệ		116.717.398
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(9.180.370.640)
- PS chênh lệch trích lập dự phòng theo TT48/2019 và TT200		(9.180.370.640)
Lợi nhuận chịu thuế	(14.250.448.462)	19.969.484.516
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.993.896.904
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	-	3.993.896.904
Chi phí thuế TNDN hoãn lại do chênh lệch trích lập dự phòng theo TT48/2019 và thông tư 200	-	1.836.074.128
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	1.836.074.128

22. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.913.541		367.586.056	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.068.082.496	-	424.086.835	-
Các khoản cho vay	18.704.000.000		16.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(2.649.936.154)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Đầu tư dài hạn	56.000.000.000		80.000.000.000	
Cộng	80.929.976.791	(2.649.936.154)	101.803.653.645	(3.252.025.954)
Nợ phải trả tài chính			Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
Vay và nợ			-	-
Phải trả người bán, phải trả khác			313.058.490	999.759.240
Chi phí phải trả			-	-
Cộng			313.058.490	999.759.240

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

029
CÔ
CHI
IÊN
/G

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.913.541			145.913.541
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.068.082.496	-		1.068.082.496
Các khoản cho vay	18.704.000.000	-		18.704.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		56.000.000.000		56.000.000.000
Cộng	24.929.976.791	56.000.000.000	-	80.929.976.791
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	367.586.056			367.586.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.086.835	-		424.086.835
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000		80.000.000.000
Cộng	5.803.653.645	80.000.000.000	-	85.803.653.645

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	313.058.490	-		313.058.490
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	313.058.490	-	-	313.058.490
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	999.759.240	-		999.759.240
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	999.759.240	-	-	999.759.240

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

24. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	30.000.000	30.000.000
Chi phí bộ phận	5.454.546	5.454.546
Kết quả kinh doanh bộ phận	24.545.454	24.545.454
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		2.224.340.610
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(2.199.795.156)
Doanh thu hoạt động tài chính		3.450.962.210
Chi phí tài chính		15.500.513.097
Thu nhập khác		-
Chi phí khác		1.102.419
Thuế TNDN hiện hành		-
Thuế TNDN hoãn lại		-
Lợi nhuận sau thuế		(14.250.448.462)

25. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Công ty con
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng giám đốc

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này VND
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	
Thuê văn phòng	6.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	
Doanh thu cho thuê văn phòng	33.000.000

c. Số dư với các bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP chứng khoán Smart invest	33.000.000	
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	381.136.461	381.136.461
Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan		
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	15.000.000	9.000.000
d. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban KS		Kỳ này
Họ và tên	Chức vụ	VND
Bùi Việt Dũng	Tổng giám đốc	200.906.250
(*) Ngoài Ông Bùi Việt Dũng có thu nhập thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.		

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Điều hành cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

26. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét.

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu